

LỚP GHÉP VÀ QUẢN LÝ LỚP GHÉP Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

ĐÀO NAM SƠN

Tạp chí Thế giới trong ta

Đặt vấn đề

Giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS) được xác định là một bộ phận không thể tách rời của giáo dục quốc dân. Đây là quan điểm bất di bất dịch. Một quan điểm quan trọng đó là giáo dục phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và hoàn cảnh thực tế. Giáo dục vùng DTTS do vậy phải phát triển theo hướng: vừa gắn bó, thống nhất với giáo dục quốc dân trong mục tiêu nhiệm vụ, vừa mềm dẻo, linh hoạt chọn cho mình một cách làm, một bước đi phù hợp để theo kịp các vùng trong cả nước.

Miền núi, vùng DTTS cùng cả nước phấn đấu thực hiện các mục tiêu chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội trong một điều kiện khá đặc biệt về tự nhiên và xã hội, khó khăn về nhiều mặt và điểm xuất phát thấp hơn các vùng khác trong cả nước. Phát triển giáo dục trong những điều kiện như vậy phải chọn cách làm phù hợp, trong đó có việc xem xét một cách đồng bộ đến chương trình, sách giáo khoa, kế hoạch dạy học, hình thức tổ chức dạy học, quy mô, mạng lưới trường lớp, đội ngũ thầy cô giáo, đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Ở vùng DTTS có một hình thức tổ chức dạy học khá đặc biệt đó là lớp ghép.

1. Lớp ghép ở vùng dân tộc thiểu số

Ở vùng DTTS, việc phát triển số lượng để đảm bảo huy động được hầu hết trẻ em ra lớp và nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Vùng DTTS lại là vùng có dân cư thưa thớt, đường xá nhiều đèo dốc; có nơi còn bị sông, suối chia cắt. Học sinh tiểu học tuổi còn nhỏ, không thể đi học xa được. Thực tế cư trú của đồng bào DTTS chắc chắn còn tồn tại lâu dài trên nhiều vùng đất nước. Để phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng DTTS được vững chắc và có chất lượng, phương châm giáo dục ở vùng dân tộc: *"Thầy tìm trò, trường gần dân, quy mô nhỏ"* cần được vận dụng triệt để theo đúng nghĩa của nó. Vùng kinh tế phát triển thường thấy hiện tượng học trò tìm đến thầy cô giỏi và các trường danh tiếng được xây dựng hiện đại, nhưng giáo dục ở vùng DTTS cần được phát triển với một cách thức, diện mạo khác.

Mấy chục năm trước đây, ngành Giáo dục đã tổ chức lớp cắm bản (lớp nằm ngay trong thôn bản) để đem chữ đến cho trẻ em DTTS. Tuy vậy, một bản lẻ (số trẻ trong độ tuổi phổ cập tiểu học chỉ có một vài chục em) muốn *"mang chữ"* đến cho các em, ngành Giáo dục không đủ điều kiện về vật chất và đội ngũ giáo viên để mở tới 5 lớp với 5 trình độ khác nhau. Vì

thực tế, số học sinh mỗi lớp, ở mỗi thôn bản miền núi cũng chỉ có vài ba em. Rõ ràng, muốn thực hiện được mục tiêu phát triển giáo dục ở vùng DTTS không thể không có một loại hình lớp đặc thù. Thay vì phải có 5 giáo viên, 5 phòng học, nếu tổ chức lớp ghép ở các bản làng xa xôi này chỉ cần 2 giáo viên, 2 phòng học. Một giáo viên sẽ dạy 1 lớp bao gồm 3 trình độ (lớp 1, 2 và 3). Một giáo viên sẽ dạy một lớp bao gồm 2 trình độ (lớp 4, 5). Như vậy, học sinh không phải đi học xa, lớp học đông vui hơn, học sinh trình độ cao hơn có thể giúp đỡ kèm cặp các em học sinh ở trình độ thấp. Có thể nói, lớp ghép là một thực tế khách quan. Sự ra đời của lớp ghép không phải do ý chí mang tính chủ quan của những người làm công tác quản lý giáo dục.

Bộ Giáo dục bắt đầu nghiên cứu về lớp ghép từ những năm 80 của thế kỉ trước đồng thời tiến hành các hoạt động điều tra khảo sát, đúc rút kinh nghiệm trong nước và quốc tế về lớp ghép, kết quả là đã công bố nhiều công trình nghiên cứu về lớp ghép để khẳng định tính tất yếu phải mở lớp ghép. Lớp ghép phát triển mạnh trong 2 chu kì dự án: Lớp ghép, Lớp ghép và giáo dục song ngữ hợp tác với UNICEF, rộng khắp các tỉnh miền núi phía Bắc và các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh miền Trung, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng DTTS.

Một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên về lớp ghép là công trình của ông Nguyễn Hữu Kim với nhan đề *"Tổ chức và phương pháp dạy lớp ghép ở trường phổ thông cấp 1 miền núi"* đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục. Trong công trình này, ông đã phân tích điển hình xã Công Đa (huyện Yên Sơn, Hà Tuyên) để khẳng định tính tất yếu phải mở lớp ghép. Ngay từ thời điểm đó, tác giả đã có những kiến giải sâu sắc về những nội dung mang tính kĩ thuật như: nên ghép như thế nào?; xây dựng thời khoá biểu cho lớp ghép như thế nào?; dạy lớp ghép như thế nào?; muốn dạy tốt ở lớp ghép phải có những điều kiện gì?.

Sau công trình nghiên cứu của ông Nguyễn Hữu Kim, có thể kể đến cuốn: *"Tổ chức giáo dục lớp ghép trong trường phổ thông cấp 1"* của nhiều tác giả. Những năm cuối thập kỉ 80 đầu 90, lớp ghép đã được thử nghiệm theo một cách tiếp cận mới thông qua việc thực hiện Dự án Giáo dục lớp ghép với sự hỗ trợ của tổ chức UNICEF. Lớp ghép được định hình về cách thức tổ chức lớp học, phòng học, các cơ sở vật chất và trang thiết bị và các tài liệu thử nghiệm phục vụ cho dạy học. Kĩ thuật tổ chức dạy học lớp ghép được hình

thành, đưa các hoạt động của thầy và trò rõ hơn trong việc lập kế hoạch tuần và giáo án. Lớp ghép đã tạo ra "không gian" giáo dục tiểu học riêng, các yếu tố của giáo dục tiểu học được phát triển mạnh. Lớp ghép đã trở thành hệ thống chỉ đạo chặt chẽ và được quan tâm đầu tư về chuyên môn, về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đặc biệt là sự đổi mới về phương pháp dạy và học của giáo viên và học sinh. Chất lượng giáo dục lớp ghép được khẳng định. Một trong những thành công của hoạt động phát triển giáo dục lớp ghép là giúp cho cộng đồng dân tộc và cả xã hội hiểu đúng về lớp ghép. Lớp ghép không phải là một hạn chế cần khắc phục, mà là một thực tế khách quan. Nếu tổ chức tốt, chất lượng học tập ở lớp ghép không thua kém chất lượng học tập ở lớp đơn.

Một thực tế cho chúng ta thấy, ở lớp ghép hoạt động học tập của cá nhân học sinh và nhóm nhỏ học sinh đóng một vai quan trọng. Hình thức tổ chức dạy học này đã lan toả ra ngoài phạm vi lớp ghép, trở thành một phương pháp tổ chức dạy học luôn được nhắc tới trong dạy học ở tiểu học. Cuối những năm 80, khi tăng cường cho lớp ghép, ngành Giáo dục tổ chức biên soạn các *phiếu bài tập* giúp học sinh tự làm việc khi thầy cô giáo còn bận làm việc với các nhóm trình độ khác. Sự hấp dẫn và tính ích dụng của các phiếu này đã đem đến một chất lượng học tập tốt hơn hẳn so với trước đây. Với tác dụng đó, bộ *phiếu bài tập* vốn dùng cho lớp ghép đã được vận dụng ở lớp đơn bởi nó phù hợp với phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, theo hướng học sinh tích cực chủ động tiếp thu kiến thức. *Phiếu bài tập* dần trở thành một tài liệu học tập quan trọng ở tiểu học vượt ra ngoài phạm vi lớp ghép.

Với sự phấn đấu không mệt mỏi cho phát triển lớp ghép, vị trí lớp ghép được khẳng định trong Thông tư liên Bộ số 17/TT-LB ngày 27-7-1995 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong Thông tư, chế độ phụ cấp đối với giáo viên lớp ghép được ghi rõ: "*Ở các vùng miền núi, hải đảo, vùng sâu do điều kiện ít học sinh, thiếu giáo viên cần phải ghép lớp thì giáo viên dạy lớp ghép hai chương trình được hưởng thêm 50% lương và phụ cấp; dạy trên hai chương trình được hưởng thêm 75% lương và phụ cấp (nếu có) của chính người dạy.*"

Tháng 12 - 2000, tại Buôn Ma Thuột, Dự án Giáo dục lớp ghép và Giáo dục song ngữ tuyên bố kết thúc, chuẩn bị mở ra Dự án Trường tiểu học bạn hữu trẻ em; do vậy, toàn bộ sự nghiệp giáo dục lớp ghép được bàn giao cho các địa phương trong khi nguồn tài trợ và sự hỗ trợ kĩ thuật đã hết.

Lớp ghép gắn liền với phương pháp dạy học đặc thù, giáo viên phải tinh thông về phương pháp dạy học và thành thạo trong cách tổ chức các hoạt động

trên lớp. Đội ngũ giáo viên dạy lớp ghép cần được ổn định và bồi dưỡng thường xuyên. Đòi hỏi này mâu thuẫn với chính sách luân chuyển đội ngũ giáo viên ở vùng khó khăn tạo ra một thách thức với các cấp quản lí giáo dục. Lớp ghép đòi hỏi sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất. Sự thiếu vắng các điều kiện như bàn ghế, tài liệu dạy học và một số vật tư kĩ thuật khác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dạy và học lớp ghép. Những năm gần đây, do không được đầu tư tài lực và hỗ trợ kĩ thuật, lớp ghép không đảm bảo được chất lượng. Đó là chưa kể đến ảnh hưởng tiêu cực do nhận thức của một số nhà quản lí. Có lãnh đạo đã cho rằng lớp ghép là hạn chế của giáo dục ở vùng DTTS.

Trên thực tế, lớp ghép vẫn bền bỉ duy trì. Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai, năm học 2013 - 2014, số trường có mở lớp ghép: 114; tổng số lớp ghép: 399 (trong đó, lớp 2 trình độ: 385, lớp 3 trình độ: 7); tổng số học sinh học lớp ghép: 8313 (trong đó học sinh nữ: 4116); tổng số giáo viên: 399. Trung bình mỗi lớp xấp xỉ 24 học sinh.

Theo báo cáo gần đây nhất của Yên Bái, trong năm học 2013 - 2014, tỉnh có: Ở Mẫu giáo là 531 lớp ghép (ghép các độ tuổi 3, 4, 5); Ở Tiểu học: 1.373 cháu học lớp ghép trình độ 1, 2, 3 và 15.445 cháu học lớp ghép trình độ 4, 5.

Huyện Yên Minh (Hà Giang), một huyện vùng cao nằm trên cao nguyên đá Đồng Văn, cư dân chủ yếu là người Hmông, hiện nay có tới 89 lớp ghép 2 trình độ (lớp 1, 2) với số học sinh là 1.350 cháu. Trung bình mỗi lớp xấp xỉ 15 học sinh.

Nhiều năm nay, giáo dục ở vùng DTTS Việt Nam không rơi vào tình trạng "bản trắng" và hình thức lớp ghép vẫn được triển khai như là một giải pháp quan trọng để phát triển. Bởi ở những nơi có đặc điểm cư trú phân tán nhỏ lẻ, muốn đem chữ đến cho học sinh thì không thể không lựa chọn giải pháp này. Tuy nhiên, chất lượng các lớp ghép, qua kiểm tra của các cấp quản lí giáo dục, không đảm bảo yêu cầu về chất lượng dạy và học, vì không được đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy và học, giáo viên không được tập huấn thường xuyên, cũng có giáo viên không qua một lớp tập huấn nào (do chế độ chuyển đổi giáo viên hàng năm ở vùng cao; giáo viên nắm được phương pháp đã chuyển về vùng thấp). Chất lượng dạy và học lớp ghép chưa được như mong muốn là tình trạng chung của nhiều tỉnh. Qua trao đổi của chúng tôi với ông Kpă Pual, Trưởng phòng Giáo dục dân tộc (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai) thì: "Chất lượng lớp ghép của tỉnh Gia Lai nhìn chung ở mức trung bình. Học sinh đáp ứng được yêu cầu của chương trình chung. Vì giáo viên dạy lớp ghép đều tâm huyết nên chất lượng các lớp ghép vẫn theo kịp các lớp đơn. Tuy nhiên, giáo viên chưa được tập huấn phương pháp dạy lớp ghép.

Về cơ sở vật chất, vì các lớp này đều nằm ở vùng khó khăn nên cơ sở vật chất còn rất thiếu thốn". Nếu để tình trạng này kéo dài thì giải pháp lớp ghép chỉ đảm bảo việc phát triển số lượng "đầu vào", không đảm bảo về chất lượng "đầu ra" và như vậy không có tính bền vững.

Gần đây, trong Hội thảo triển khai nghị quyết 29 (Hội nghị TW 8) do Trung ương Hội Khoa học Tâm lí – Giáo dục Việt Nam chủ trì, mở tại Thị xã Cửa Lò (5 - 2014), lãnh đạo ngành Giáo dục Nghệ An thông báo chủ trương mở lại lớp ghép để huy động hết học sinh ở miền núi trong tỉnh ra lớp. Điều này cho chúng ta thấy, nhận thức đúng đắn của lãnh đạo giáo dục ở địa phương về vai trò của lớp ghép. Nhưng để lớp ghép có chất lượng cần sự hỗ trợ về vật chất và kĩ thuật (phiếu bài tập cho từng bài học cho tất cả các môn học, phiếu giao việc, tranh ảnh, vật thực và nhiều đồ dùng học tập khác để học sinh tự học, rèn kĩ năng và thảo luận nhóm khi thiếu vắng sự hướng dẫn của giáo viên khi giáo viên làm việc với nhóm học tập khác trong lớp). Khả năng vật chất và chuyên môn của địa phương hiện nay chắc khó đáp ứng được.

2. Quản lí lớp ghép ở vùng dân tộc thiểu số

Quản lí lớp ghép là một vấn đề cần thiết phải đặt ra ở vùng DTTS. Lớp ghép chỉ ra đời, chỉ cần mở trong một điều kiện nhất định. Đặc điểm cư trú của đồng bào DTTS ở Đồng bằng Sông Cửu Long khác với đặc điểm cư trú của đồng bào DTTS ở vùng cao phía Bắc, ở các tỉnh miền núi miền Trung. Đồng bào cư trú với mật độ tương đối cao, đi lại cũng không quá khó khăn. Mở lớp ghép ở Đồng bằng Sông Cửu Long là không cần thiết. Mở lớp ghép cần dựa vào 2 căn cứ là mật độ dân và điều kiện đi lại. Số học sinh học chung một trình độ lớp trong làng bản đã đủ để mở một lớp đơn thì không nên mở lớp ghép. Rõ ràng, ở đây phải nhận thức đầy đủ về lớp ghép, đứng về phía người học để đưa ra một sự lựa chọn đúng đắn, không vì giáo viên được hưởng phụ cấp khi dạy lớp ghép mà mở lớp.

Nơi đã quyết định mở lớp ghép thì mở bao nhiêu và mở thế nào cũng là một vấn đề đặt ra cho công tác quản lí. Ở góc độ tư duy toán học nếu trong một thôn bản mà mở đến 3 lớp ghép cho 3 trình độ (ghép 1, 2, 3) phải xem xét tính không hợp lí của nó, 3 lớp ghép này nên sắp xếp trở lại thành 3 lớp đơn (lớp 1, lớp 2 và lớp 3). Sức quán xuyến của giáo viên có hạn, thời gian, vật chất cũng có hạn không nên mở lớp ghép quá nhiều trình độ.

Kế hoạch dạy học trong lớp ghép là một vấn đề quan trọng trong quản lí lớp ghép. Thời khóa biểu cho từng trình độ trong lớp ghép phải sắp xếp lại trong một lớp học chung. Chẳng hạn, trong các giờ học của một nhóm trình độ cũng có giờ học trong lớp và có giờ học ngoài trời; giáo viên không thể sắp xếp trùng

1 tiết có nhóm ở trong lớp và nhóm ở ngoài trời được.

Trong lớp ghép có những tiết có thể dạy ghép các nhóm trình độ như các tiết học có những sinh hoạt mang tính tập thể. Trong thực tế, ngay cả môn chính tả, khi cần thiết có thể bố trí học chung 2 nhóm trình độ 2 và 3 nhưng có phân mức độ dài ngắn, khó dễ.

Lựa chọn giáo viên dạy lớp ghép cũng là một hoạt động của các nhà quản lí. Không phải ai cũng dạy lớp ghép tốt. Người dạy lớp ghép cần có năng lực nhất định trong đó có năng lực bao quát, tổ chức học cho các nhóm trình độ, năng lực lập thời khóa biểu, năng lực hướng dẫn học sinh tự quản, năng lực "phân thân" một cách linh hoạt chuyển từ việc dạy môn học này cho nhóm trình độ này sang dạy môn khác cho một nhóm trình độ khác trong thời gian vài ba phút...

Người quản lí cũng phải là người tham gia góp ý kiến, đánh giá và bồi dưỡng năng lực cho giáo viên qua mỗi tiết dự giờ thăm lớp. Công tác bồi dưỡng giáo viên thường xuyên và định kì, cung cấp, phân phối trang thiết bị, đồ dùng dạy học ở lớp ghép cũng là công việc đặt ra cho người làm công tác quản lí giáo dục sao cho đảm bảo được tính khoa học và công bằng, cuối cùng vẫn là sự thúc đẩy nâng cao chất lượng dạy và học ở lớp ghép.

Quản lí lớp ghép cần có một giáo trình hoặc một phần giáo trình để trình bày. Và một điều rất quan trọng là những vấn đề của giáo dục lớp ghép cần được nâng cao hơn nữa trong nhận thức các nhà quản lí giáo dục. Nhận thức chưa rõ ràng thì không thể quản lí tốt được.

Kết luận

Ở vùng DTTS, các làng bản ở rất xa nhau, dân cư thưa thớt mở lớp ghép là một giải pháp phù hợp để không một học sinh nào thất học. Nói một cách khác, không có lớp ghép sẽ dẫn tới tình trạng *hổng một mảng lớn trong mạng lưới trường lớp ở vùng sâu vùng xa...* Với hình thức tổ chức dạy học linh hoạt này, chỉ cần 2 phòng học với 2 giáo viên đã có một ngôi trường với tiện ích rất lớn. Như vậy, việc huy động trẻ đến trường thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng DTTS sẽ bớt khó khăn hơn rất nhiều.

Lớp ghép không phải là "thương hiệu" riêng của vùng DTTS ở Việt Nam. Nhiều nước trên thế giới cũng triển khai hình thức tổ chức dạy học này. Lớp ghép cũng là hình thức dạy học truyền thống ở nước ta trước đây. Ngày xưa, các "thầy đồ" (tên gọi các thầy giáo ngày xưa) mở lớp học ở nhà và không có phân lớp. Thầy cử ra một anh "trưởng tràng" giúp bao quát mọi việc trong lớp, trong đó có chỉ bảo các em ở những trình độ thấp hơn. Trong giờ dạy học, thầy đến với nhóm học sinh này chỉ bảo, giao việc xong lại đến với nhóm học sinh khác. Có khi thầy gọi cả

lớp đến bên để truyền thụ một kiến thức nào đó. Có nhiều kiến thức mà nhóm trình độ nào cũng cần, nhóm trình độ nào cũng có thể hiểu được (tuy có thể hiểu ở các mức độ khác nhau). Thực tế ngày nay, ở các lớp ghép cũng có những hoạt động như vậy. Ngay ở thành phố, nơi có hoàn cảnh đặc biệt (nhiều trình độ, ít học sinh) để học sinh không phải đi học xa người ta vẫn mở lớp ghép. Ở những địa điểm mở lớp nâng cao, trong đó có học ngoại ngữ, một thầy, một phòng học có thể giảng dạy cho nhiều trình độ học sinh. Lớp ghép có thể nói là một hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, tối ưu, đảm bảo tốt cho nhu cầu và quyền lợi học tập của người học.

Đối với giáo dục ở vùng DTTS, nhà nước cần tiếp tục đầu tư hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy và học đến từng lớp ghép, trên cơ sở nghiên cứu các nhu cầu thiết yếu phục vụ với một mô hình, một hình thức tổ chức dạy học đặc biệt, trong khuôn khổ các chương trình, mục tiêu quốc gia. Đối với giáo viên dạy lớp ghép ngoài việc được hưởng chế độ đã được ghi trong thông tư liên Bộ số 17/TT-LB ngày 27-

7-1995 cần được bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên, giao lưu học hỏi để nâng cao năng lực dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Nam Sơn, *Đánh giá quá trình nghiên cứu khoa học của Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ.
2. *Một số báo cáo của các địa phương*.

SUMMARY

In ethnic minority areas, the development of quantity to ensure almost children to go to school and quality improvement at primary education is the most important task. Here, multi-grade class is a suitable solution with remote villages and sparse population. In other words, there will be a big hole in ethnic school network without multi-grade class... This flexible learning organization just needs 2 classrooms and 2 teachers, so a school with enormous utility will be created. Thus, children mobilization will be less difficult in the implementation of universal primary education in ethnic minority areas.

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU TỰ HỌC ... (Tiếp theo trang 42)

phục khó khăn, thích nghi với điều kiện học tập (cơ sở vật chất, phương tiện, thời gian học tập...). Hướng dẫn SV cách tìm kiếm tài liệu, kĩ năng đọc, nghe giảng, thu thập và xử lí thông tin, cách ghi chép, ôn tập và hệ thống hoá bài học. Tổ chức hướng dẫn các hoạt động tự lực nhận thức như: seminar, dự án học tập, bài tập lớn,... để nâng cao kĩ năng lập và thực hiện kế hoạch, làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận, xây dựng đề cương, viết báo cáo của SV. Hướng dẫn SV cách tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập để kịp thời điều chỉnh phương pháp học tập hợp lí hơn [6,7]. Điều này phù hợp với mong muốn của 90,1% SV về nguồn tài liệu, việc tổ chức các hoạt động học tập, phương pháp tự học cũng như sự hướng dẫn của giảng viên.

Ở năm thứ nhất, SV chủ yếu học các môn khoa học cơ bản, trong đó một số môn học SV đã có kiến thức khá vững từ bậc học phổ thông. Nếu xây dựng được phương pháp tự học tốt các môn học này sẽ góp phần nâng cao năng lực tự học cho SV [4], nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay đối với ngành y tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình khung Giáo dục Đại học*, Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012.
2. Nguyễn Xuân Bình (2011), *Vấn đề tự học của*

sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng Y tế Hà Nội hiện nay, Tạp chí Giáo dục, số 270 (kì 2), 57 – 59.

3. Nguyễn Thị Nguyệt (2011), *Dạy và học môn Hóa học của hệ bác sĩ đa khoa ở trường Đại học Y Hà Nội – Thực trạng – Nguyên nhân – Giải pháp*, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 64, tr. 43 – 45, 49.
4. Nguyễn Thị Nguyệt (2013), *Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Hóa học ở một số trường đại học và cao đẳng y tế*, Kỷ yếu hội nghị Hóa học toàn quốc lần thứ 6, Hà Nội ngày 22/11/2013, 133 – 138.
5. Dương Huy Cẩn (2012), *Vai trò bồi dưỡng năng lực tự học cho sinh viên của giảng viên trong tổ chức dạy học*, Tạp chí Giáo dục số 298 (kì 2), 41 – 43.
6. Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Nguyễn Cảnh Toàn (1999), *Luận bàn và kinh nghiệm về tự học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

SUMMARY

The article discusses self-learning of first year students at the Hanoi Medical University. The results showed that students' needs for self-learning are necessary and justifiable. If good self-learning method was developed, it would contribute to improve the capacity for students' self-study and quality of training, to meet needs of today's society in Health sector.